

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/DS-ST
Ngày: 06 - 9 - 2024
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lộc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Văn

Bà Phan Thị Lan Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Ngọc Nhân – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2024; tại Hội trường của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng đòi lại tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐXXST-DS ngày 10/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2024/QĐST-DS ngày 26/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 110/2024/QĐST-DS ngày 15/8/2024; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn Mỹ Cảnh, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1986; địa chỉ: xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 3 năm 2024, được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Vào ngày 29/12/2020, ông Nguyễn Ngọc H có cho ông Nguyễn Thành Tr mượn một số tiền là 200.000.000 đồng, để ông Tr giải quyết việc đất đai của gia đình. Số tiền nói trên được giao nhận và thể hiện việc giao dịch thông qua “Giấy biên nhận tiền” mà ông Tr ký nhận vào ngày 29/12/2020. Cũng tại “Giấy biên nhận tiền” này, ông Tr cũng cam kết sẽ trả lại tiền cho ông trong vòng 04 tháng kể từ ngày nhận tiền (29/12/2020), tức là đến ngày 28/4/2021 ông Tr phải có nghĩa vụ trả tiền như đã cam kết.

Sau đó 01 ngày, tức là ngày 30/12/2020, do cần tiền nên ông có bảo ông Tr chuyển trả cho ông 20.000.000 đồng, nên ông Tr đã chuyển trả vào tài khoản của ông 20.000.000 đồng. Như vậy, ông Tr chỉ còn mượn của ông 180.000.000 đồng

và hai bên vẫn tiếp tục cam kết thời gian ông Tr trả tiền cho ông vẫn là như trong “Giấy biên nhận tiền”.

Vào giữa tháng 4/2021, lấy lý do tiếp tục hoàn thiện thủ tục nộp tiền chuyển mục đích đất ở, nên ông Tr tiếp tục mượn thêm của ông số tiền 300.000.000 đồng. Vì tạo điều kiện cho ông Tr xử lý xong công việc sau đó sẽ vay tiền ngân hàng trả cho ông (theo lời hứa của ông Tr), nên vào ngày 15/4/2021 và ngày 26/4/2021 ông lần lượt chuyển khoản vào tài khoản số 5100123386666 của ông Tr tại ngân hàng Quân đội tổng cộng số tiền 300.000.000 đồng. Trong đó, chuyển 200.000.000 đồng vào ngày 15/4/2021 và chuyển thêm 100.000.000 đồng vào ngày 26/4/2021.

Như vậy, tổng số tiền mà ông Nguyễn Thành Tr đã mượn của ông qua 03 lần giao dịch là 480.000.000 đồng.

Sau một thời gian đến hạn phải trả số tiền đã mượn, do không thấy ông Tr đã động đến việc trả tiền đã mượn cho ông, nên ông nhiều lần liên lạc bằng điện thoại, tin nhắn để đòi tiền, nhưng ông Tr lần lừa hứa hẹn dịp này đến ngày khác. Mãi đến ngày 07/6/2021, ông Tr mới chuyển khoản trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng của khoản tiền ông Trung mượn ngày 26/4/2021.

Như vậy, số tiền còn lại mà ông Tr còn nợ ông là 380.000.000 đồng (gồm khoản tiền 180.000.000 đồng mượn ngày 29/12/2020 và khoản tiền 200.000.000 đồng mượn ngày 15/4/2021) đến nay ông Tr vẫn không trả, dù ông liên tục liên lạc nhắn tin yêu cầu ông Tr trả lại.

Đến nay đã gần 03 năm trôi qua, với nhiều lý do, ông Tr đã tìm cách thoái thác để không thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền đã mượn trên cho ông như đã cam kết.

Đề nghị Tòa án tuyên buộc ông Nguyễn Thành Tr phải có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền gốc và lãi:

1. Căn cứ vào giấy nhận tiền ngày 29/12/2020, anh Tr đã nhận của tôi số tiền gốc 200.000.000 đồng (tuy nhiên do không đủ nên chỉ giao số tiền 180.000.000 đồng tiền gốc) và tiền lãi tính từ ngày 29/4/2021 đến ngày 15/3/2024 là 35 tháng là 51.780.000 đồng (lãi suất 0,83%/tháng), giao nhận tiền mặt không qua chuyển khoản số tiền.

2. Căn cứ theo bảng sao kê tài khoản tại Ngân hàng Vietcombank ông đã chuyển cho ông Tr 02 lần:

- Lần 1: Ngày 15/4/2021 chuyển số tiền 100.000.000 đồng.
- Lần 2: Ngày 26/4/2021 chuyển số tiền 200.000.000 đồng.

Tổng cộng đã chuyển 300.000.000 đồng.

Ngày 07/6/2021, ông Tr chuyển trả lại cho ông 100.000.000 đồng. Còn lại 200.000.000 đồng ông Tr chưa trả, nay ông yêu cầu trả số tiền này lại và lãi từ ngày 08/6/2021 đến ngày 15/3/2024 là 33 tháng là 54.246.000 đồng.

Tổng cộng anh Tr vay của tôi 02 lần với tổng số tiền gốc 380.000.000 đồng, và số tiền lãi của 02 khoản tạm tính đến ngày 15/3/2024 là 106.026.000 đồng.

Tổng cả gốc và lãi ông Tr phải trả cho ông tạm tính đến ngày 15/3/2024 là 486.026.000 đồng.

** Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Thanh Tr trình bày:*

1. Đối với yêu cầu của ông H yêu cầu ông trả tiền căn cứ vào giấy nhận tiền ngày 29/12/2020, ông Tr đã nhận của ông H số tiền gốc 200.000.000 đồng (tuy nhiên do không đủ nên chỉ giao số tiền 180.000.000 đồng tiền gốc) và tiền lãi tính từ ngày 29/4/2021 đến ngày 15/3/2024 là 52.290.000 đồng (lãi suất 0,83%/tháng), giao nhận tiền mặt không qua chuyển khoản số tiền.

Khoản tiền này ông đồng ý trả cho ông H số tiền gốc 180.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi ông không đồng ý vì trong giấy nhận tiền không quy định lãi suất. Tiền này không phải vay mượn mà là tiền thực hiện công việc, trước đây ông lái xe cho ông H và tiền này ông nhận để giao dịch trong lĩnh vực xây dựng trong thời gian làm việc với ông H.

2. Về khoản tiền ông H chuyển khoản cho ông 300.000.000 đồng và ông chuyển lại 100.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng thì ông không đồng ý trả cho ông H số tiền còn lại vì khoản tiền này là khoản tiền hoa hồng buôn bán đất đai nên số tiền đó ông H chuyển khoản tặng cho ông. Việc ông chuyển trả 100.000.000 đồng cho ông H vì ông H khi đó cần nên ông chuyển lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án "Tranh chấp đòi lại tài sản", tranh chấp phát sinh giữa cá nhân và cá nhân, và bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[2] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các bên đã đến Tòa án làm bản tự khai, lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng các bên nguyên đơn và bị đơn không thoả thuận được về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án đã ra Quyết định xét xử vụ án số; Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ông Tr vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS, tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của ông H yêu cầu ông Tr trả số tiền gốc là 380.000.000 đồng, trong đó theo giấy nhận tiền ngày 29/12/2020, ông Tr đã nhận 200.000.000 đồng (sau đó chuyển trả 20.000.000 đồng) còn lại 180.000.000 đồng; chuyển khoản ngày 15/4/2021 chuyển số tiền 100.000.000 đồng; ngày 26/4/2021 chuyển số tiền 200.000.000 đồng; ngày 07/6/2021 (ông Tr chuyển trả lại cho ông 100.000.000 đồng).

Tại phiên tòa ông Tr vắng mặt nhưng tại biên bản hoà giải ngày 08/5/2024 ông Tr đã thừa nhận nợ ông H khoảng tiền 180.000.000 đồng, còn khoản tiền 200.000.000 đồng ông Tr trình bày đó là khoản tiền hoa hồng do ông H chuyển cho ông Tr nên không đồng ý trả.

Về số tiền 180.000.000 đồng, căn cứ theo “Giấy biên nhận tiền” ngày 29/12/2000 được ký kết giữa bên giao tiền ông Nguyễn Ngọc H; bên nhận tiền ông Nguyễn Thành Tr, nội dung thể hiện như sau: đã tiến hành giao tổng số tiền 200.000.000 đồng, thời gian hoàn trả tiền 4 tháng tính từ ngày 29/12/2020. Về khoản tiền này ông H, ông Tr không có tranh chấp và hai bên đã thừa nhận ông Tr đã chuyển trả 20.000.000 đồng còn lại 180.000.000 đồng buộc ông Tr phải trả cho ông H.

Về số tiền 200.000.000 đồng, căn cứ vào bản sao kê tài khoản thể hiện ngày 15/4/2021 ông H chuyển trả cho ông Tr số tiền 100.000.000 đồng “*nội dung cho em Trung mượn*” và ngày 26/4/2021 ông H chuyển cho ông Tr số tiền 200.000.000 đồng, không ghi rõ nội dung chuyển tiền. Tuy nhiên, ngày 07/6/2021 ông Tr đã chuyển trả 100.000.000 đồng cho ông H, còn lại 200.000.000 đồng chưa trả. Theo ông Tr khoản tiền còn lại 200 triệu đồng này là tiền hoa hồng buôn bán đất đai ông H chuyển khoản tặng cho ông Tr. Qua giải quyết vụ án đó lời nói của ông Tr nhưng không có căn cứ để chứng minh. Theo bản kê của Ngân hàng thì ông H có chuyển cho ông Tr 300 triệu, ông Tr đã trả 100 triệu còn lại 200 triệu chưa trả nên chấp nhận yêu cầu của ông H buộc ông Tr phải trả số tiền 200.000.000 đồng cho ông H.

Như vậy, giao dịch dân sự giữa các bên ký kết có đủ năng lực hành vi dân sự, giao dịch dân sự được xác lập, khi tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định của các Điều 105, 117, 118, 119 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông H buộc ông Tr phải trả tổng số tiền là 380.000.000 đồng cho ông H.

[4] Xét yêu cầu của ông H yêu cầu ông Tr trả số tiền lãi suất của số tiền 180.000.000 đồng (Từ 29/4/2021 đến tháng 3/2024 là 35 tháng) $\times 0.83\%$ tháng (10% năm) $\times 35$ tháng = 51.780.000 đồng.

Theo Giấy biên nhận tiền thì hạn trả tiền là ngày tháng 4/2021 nhưng ông Tr không trả tiền, trong giấy không có quy định lãi suất nên áp dụng nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo khoản 4 Điều 466 BLDS là “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*”. Theo quy định này ông H yêu cầu ông Tr trả lãi là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của ông H yêu cầu ông Tr trả số tiền lãi suất của số tiền 200.000.000 đồng mượn ngày 15/4/2021 (tính lãi suất từ 08/6/2021 đến 29/8/2024 ngày nhận tin đòi tiền) $\times 0.83\%$ tháng (10% năm) $\times 33$ tháng = 54.246.000 đồng.

Theo nội dung bản sao kê tại Ngân hàng xác định ông H đã chuyển tiền cho ông Tr 200 triệu đồng, không ghi thời hạn trả tiền, không ghi lãi suất bao nhiêu, nhưng ông H căn cứ vào những lần nhắn tin cho Tr để đòi tiền, để xác định thời hạn ông H yêu cầu ông Tr trả tiền mà ông Tr không trả tiền để tính lãi suất. Theo các nội dung nhắn tin giữa ông H và ông Tr là có thể hiện tại bản sao kê do ông H xuất trình nội dung có yêu cầu ông Tr trả tiền nhưng không nói rõ cụ thể khoản tiền nào, bao nhiêu, trong khi đó ông Tr còn nợ ông H một khoản tiền khác trước khi mượn khoản tiền này chưa trả, do đó không có căn cứ để chứng minh ông H đã

yêu cầu ông Tr trả khoản tiền 200 triệu đồng này để tính lãi suất nên không chấp nhận.

[6] Ông H yêu cầu ông Tr trả với tổng số tiền là 486.026.000 đồng, nhưng Toà án chấp nhận 431.780.000 đồng, trong đó, tiền gốc là 380.000.000 đồng, tiền lãi 51.780.000 đồng. Toà án không chấp nhận khoản tiền lãi 54.246.000 đồng.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H được chấp nhận nên bị đơn ông Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp ngân Nhà nước trên tổng số tiền 431.780.000 đồng là 20 triệu cộng 4% của phần vượt quá 400 triệu đồng (31.780.000 đồng x 4%) = 1.271.000 đồng. Cộng 21.271.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Ông H yêu cầu không được Toà án chấp nhận một phần tiền lãi nên phải chịu án phí 54.246.000 đồng x 5% = 2.712.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ số tiền đã nộp 11.741.000 đồng. Còn thừa 9.029.000 đồng trả lại cho ông Hoàng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 105, 117, 118, 119, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, xử:

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Hoàng.

Buộc ông Nguyễn Thành Tr phải trả cho ông Nguyễn Ngọc H số tiền 431.780.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi một triệu, bảy trăm tám mươi ngàn đồng chẵn*), trong đó, nợ gốc 380.000.000 đồng, nợ lãi 51.780.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H yêu cầu ông Nguyễn Thành Tr trả số tiền lãi 54.246.000 đồng.

4. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Xử buộc ông Nguyễn Thành Tr phải chịu 21.271.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

- Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí 2.712.000đ để nộp ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ số tiền đã nộp 11.741.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001133 ngày 27/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới. Còn thừa 9.029.000 đồng trả lại cho ông H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 06/9/2024, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP.Đồng Hới;
- Lưu án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Văn Lộc